

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Giáo Sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Cơ học; Chuyên ngành: Cơ học vật rắn.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ MINH QUÝ.

2. Ngày tháng năm sinh: 05/09/1973; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: VIỆT NAM;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐.

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):

Căn hộ 501, nhà CT2, chung cư Hyundai, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bộ môn Cơ học vật liệu và kết cấu, viện Cơ khí, Đại học Bách Khoa Hà Nội, số 01 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 024. 33523265; Điện thoại di động: 0985193792;

E-mail: quy.leminh@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 10 năm 1995 đến tháng 12 năm 1999, **giảng viên tập sự**, bộ môn Cơ học vật liệu, viện Cơ khí, Đại Học Bách Khoa Hà Nội.
- Từ tháng 12 năm 1999 đến tháng 2 năm 2011, **giảng viên**, bộ môn Cơ học vật liệu, viện Cơ khí, Đại Học Bách Khoa Hà Nội.
- Từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 7 năm 2016, **giảng viên chính**, bộ môn Cơ học vật liệu, viện Cơ khí, Đại Học Bách Khoa Hà Nội.
- Từ tháng 7 năm 2016 đến nay, **giảng viên cao cấp**, bộ môn Cơ học vật liệu và kết cấu, viện Cơ khí, Đại Học Bách Khoa Hà Nội.

Chức vụ hiện nay:; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: bộ môn Cơ học vật liệu và kết cấu, viện Cơ khí, Đại Học Bách Khoa Hà Nội, thuộc Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

Địa chỉ cơ quan: số 01 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan 024. 38680103.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- **Được cấp bằng DH** ngày 27 tháng 5 năm 1995, ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Cơ học kỹ thuật.

Nơi cấp bằng DH (trường, nước): Trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

- **Được cấp bằng ThS** ngày 17 tháng 7 năm 1997, ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Cơ học.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Poitiers, Cộng Hòa Pháp.

- **Được cấp bằng TS** ngày 24 tháng 8 năm 2004, ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Cơ học.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại Học Quốc Gia Kyungpook, Hàn Quốc.

10. Đã được HĐGS Nhà Nước công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS ngày 12 tháng 12 năm 2012, được trường Đại học Bách Khoa Hà Nội bổ nhiệm chức danh PGS ngày 09 tháng 01 năm 2013, ngành: Cơ học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **giáo sư** tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: *Cơ học vật liệu và kết cấu*.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hoàn thành (số lượng) 03 đề tài NCKH cấp bộ do Quỹ Phát Triển Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia (NAFOSTED) tài trợ;

- Đã công bố 55 bài báo KH, trong đó 35 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín như sau:

STT	Số bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín	Số bài báo mà ứng viên là tác giả duy nhất	Loại tạp chí
1	23	9	SCI
2	10	2	SCIE
3	02	1	SCOPUS
Tổng số	35	12	

- Số lượng sách đã xuất bản 02 (01 sách tham khảo ở Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 01 sách chuyên khảo ở Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật).

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất: 5 bài báo khoa học tiêu biểu công bố trên các tạp chí quốc tế **SCI-Q1** sau khi được công nhận chức danh PGS.

Bài báo tiêu biểu thứ nhất (bài báo số 14 trong danh sách các bài báo KH của ứng viên).

Minh-Quy Le. *Young's modulus prediction of hexagonal nanosheets and nanotubes based on dimensional analysis and atomistic simulations*. **Meccanica** 49 (7) (2014) 1709–1719. <https://doi.org/10.1007/s11012-014-9976-z> ; (SCI, Q1; năm 2014: IF=1.814; năm 2018: IF=2.316; được trích dẫn 10 lần theo google).

Bài báo tiêu biểu thứ 2 (bài báo số 22 trong danh sách các bài báo KH của ứng viên).

Minh-Quy Le and R. C. Batra. *Mode-I stress intensity factor in single layer graphene sheets*. **Computational Materials Science** 118 (2016) 251-258. <https://doi.org/10.1016/j.commatsci.2016.03.027> ; (SCI, Q1; năm 2016: IF=2.086; năm 2018: IF=2.644; được trích dẫn 16 lần theo google).

Bài báo tiêu biểu thứ 3 (bài báo số 27 trong danh sách các bài báo KH của ứng viên).

Minh-Quy Le* and Yoshitaka Umeno. *Fracture of monolayer boronitrene and its interface with graphene*. **International Journal of Fracture** 205 (2) (2017) 151–168. <https://doi.org/10.1007/s10704-017-0188-0> (SCI, Q1; năm 2017: IF=2.175; năm 2018: IF=2.884; được trích dẫn 13 lần theo google).

Bài báo tiêu biểu thứ 4 (bài báo số 28 trong danh sách các bài báo KH của ứng viên).

Minh-Quy Le. *Mechanical properties of penta-graphene, hydrogenated penta-graphene, and penta-CN₂ sheets*. **Computational Materials Science** 136 (2017) 181–190; <https://doi.org/10.1016/j.commatsci.2017.05.004> ; (SCI, Q1; năm 2017: IF=2.530; năm 2018: IF=2.644; được trích dẫn 10 lần theo google).

Bài báo tiêu biểu thứ 5 (bài báo số 32 trong danh sách các bài báo KH của ứng viên).

Minh-Quy Le. *Reactive molecular dynamics simulations of the mechanical properties of various phosphorene allotropes*. **Nanotechnology** 29 (19) (2018) 195701; <https://doi.org/10.1088/1361-6528/aaaacf> (SCI, Q1; năm 2018: IF=3.399; được trích dẫn 6 lần theo google).

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở các năm học 2008-2009, 2014-2015, 2017-2018.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Đạt tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 16 năm 06 tháng thâm niên đào tạo.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ. Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014	01			01 sinh viên thực tập tốt nghiệp	60	3 chuyên đề NCS; 01 học phần TS: 45 giờ; 01 Môn cao học: 30 giờ	135/310.3 (xin xem ghi chú ở dưới)
2	2014-2015	01			04 sinh viên thực tập kỹ thuật			Giờ quy đổi: 84 (xin xem ghi chú ở dưới)
3	2015-2016	02	01		02 sv thực tập TN; 04 sv làm đồ án TN hệ kỹ sư; 03 sv làm đồ án môn học	105	01 học phần TS: 45 giờ	150/410 (xin xem ghi chú ở dưới)
3 năm học cuối								
4	2016-2017	03	01		13 sv làm đồ án môn học; 05 sv thực tập TN; 02 sv làm đồ án TN hệ cử nhân; 7 sv làm đồ án TN hệ kỹ sư	285	6 chuyên đề NCS	285/820
5	2017-2018	03	01		12 sv làm đồ án môn học; 7 sv thực tập TN; 01 sv làm đồ án TN hệ cử nhân; 9 sv làm đồ án TN hệ kỹ sư	255	3 chuyên đề NCS; 01 học phần TS: 45 giờ	300/807
6	2018-2019	01	01		6 sv làm đồ án môn học; 2 sv thực tập TN; 02 sv làm đồ án TN hệ cử nhân; 3 sv làm đồ án TN hệ kỹ sư	255		255/685

Trong các năm học **2013-2014, 2014-2015 và 2015-2016**: ứng viên được cử đi nghiên cứu ở Nhật Bản từ 01/6/2014 đến 31/3/2015 và ở CHLB Đức từ 01/9/2015 đến 30/11/2015, **nên số giờ định mức của ứng viên được giảm theo quy định như sau.**

TT	Năm học	Số giờ giảng định mức cho cả năm học	Số giờ giảng định mức sau khi trừ thời gian công tác ở nước ngoài	Quyết định cử đi nghiên cứu ở nước ngoài của trường ĐH Bách Khoa Hà Nội được đính kèm trong hồ sơ
1	2013-2014	320	293	Quyết định số 428/QĐ-ĐHBK-TCCB ngày 21/02/2014, cử đi nghiên cứu ở Nhật Bản từ 01/6/2014 đến 31/3/2015
2	2014-2015	320	80	
3	2015-2016	270	202.5	Quyết định số 1373/QĐ-ĐHBK-TCCB ngày 17/7/2015, cử đi nghiên cứu ở CHLB Đức từ 01/9/2015 đến 30/11/2015

Số giờ quy đổi trong 3 năm học 2013-2014, 2014-2015 và 2015-2016 đảm bảo số giờ quy định sau khi trừ thời gian công tác ở nước ngoài.

3. Ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Pháp.

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒ :

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ và luận án TS ☒; Tại nước: bảo vệ luận án ThS tại Cộng Hòa Pháp năm 1997, luận án TS tại Hàn Quốc năm 2004.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒ ; Diễn giải: Ứng viên đã sử dụng tiếng Anh trong quá trình sống và nghiên cứu ở nước ngoài như sau.

Thời gian	Công việc	Nơi làm việc	Tài trợ bởi
4/2007-7/2008	Nghiên cứu sau tiến sỹ (Post-doctor)	Đại học kỹ thuật tổng hợp Dresden, CHLB Đức (Technical University of Dresden). 4 tháng học tiếng Đức, 12 tháng nghiên cứu.	Quỹ Alexander von Humboldt
6/2009-8/2009	Nghiên cứu (Visisting Scientist)	Đại học kỹ thuật tổng hợp Dresden, CHLB Đức (Technical University of Dresden)	
6/2010-8/2010	Nghiên cứu (Visisting Scientist)		
9/2011-5/2012	Nghiên cứu (Visisting Scholar)	Đại Học Công nghệ Virginia, Hoa Kỳ (Virginia Polytechnic Institute & State University).	Chương trình Fulbright, Hoa Kỳ
6/2014-3/2015	Nghiên cứu (Visisting Scholar)	Đại học tổng hợp Tokyo, Nhật Bản (The University of Tokyo).	Hội xúc tiến khoa học Nhật Bản
9/2015-11/2015	Nghiên cứu (Visisting Scholar)	Đại học Xây dựng Weimar, CHLB Đức (Weimar Bauhaus University).	Quỹ Alexander von Humboldt

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Danh Trường	✓		✓		5/2013-8/2015	ĐH Bách Khoa Hà Nội	Cấp bằng ngày: 01/02/2016
2	Bùi Thanh Lâm	✓		✓		5/2015-11/2018	ĐH Bách Khoa Hà Nội	Có quyết định cấp bằng ngày: 11/04/2019
3	Nguyễn Văn Trang	✓		✓		5/2015-11/2018	ĐH Bách Khoa Hà Nội	Có quyết định cấp bằng ngày: 11/04/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

Sách xuất bản sau khi được công nhận chức danh PGS:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Phương pháp phân tử hữu hạn	TK Phục vụ đào tạo đại học: chương 1 đến 7, 10 và 13 Phục vụ đào tạo sau đại học: chương 8, 9, 11, 12 và 13.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, năm 2019	01	MM	Giấy xác nhận của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội cấp ngày 06/05/2019, đính kèm
2	Cơ học phá hủy ứng dụng trong vật liệu nano	CK Phục vụ đào tạo sau đại học và nghiên cứu.	Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, năm 2019	01	MM	Giấy xác nhận của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội cấp ngày 17/6/2019, đính kèm

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	ĐT: Xác định cơ tính vật liệu bằng thí nghiệm tiếp xúc tạo vết lõm	CN	Mã số: 107.02.06.09 Cấp quản lý: Quỹ Phát Triển Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia (NAFOSTED)	11/2009-11/2011	10/02/2012
2	ĐT: Mô phỏng đa thang ứng xử cơ học vật liệu composite cốt ống các bon kích cỡ nano	CN	Mã số: 107.02-2011.10 Cấp quản lý: Quỹ Phát Triển Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia (NAFOSTED)	06/2012-04/2014	16/05/2014
3	ĐT: Mô phỏng ứng xử cơ học của tấm mỏng kích cỡ nano mét	CN	Mã số: 107.02-2014.03 Cấp quản lý: Quỹ Phát Triển Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia (NAFOSTED)	03/2015-10/2016	23/03/2017

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế).

Hệ số ảnh hưởng IF (*Impact Factor*) của các tạp chí vào các năm trước 2008 được tham khảo tại:

www.urgenta.md/Docs/IMPACT_FACTOR_2004.pdf ;
www.urgenta.md/Docs/IMPACT_FACTOR_2006.pdf ;
www.urgenta.md/Docs/IMPACT_FACTOR_2007.pdf ;
www.urgenta.md/Docs/IMPACT_FACTOR_2008.pdf ;

Có thể tra IF từ năm 2008 trở đi của các tạp chí ở <https://www.citefactor.org> ;

Hệ số ảnh hưởng IF của các tạp chí tại thời điểm hiện tại có thể được tham khảo ở trang web của các tạp chí.

Phân loại các tạp chí theo Q1, Q2, Q3, Q4 được tham khảo tại: <https://www.scimagojr.com> .

Số trích dẫn của bài báo được lấy theo google, xin xem thêm ở google scholar của ứng viên như sau:

<https://scholar.google.com/citations?user=9LeIjyWAAAAJ&hl=en> .

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

Danh sách 55 bài báo khoa học như sau:

a) 10 bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCI, SCIE trước khi được công nhận chức danh PGS.

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
1	Sliding wear behavior of plasma-sprayed alumina based composite coatings against alumina ball. http://www.jmst.org/CN/Y2004/V20/I04/395 . Tác giả đầu.	03	<i>Journal of Materials Science and Technology</i> ; Năm 2004: SCIE, IF=0.253 2018: SCI, Q1, IF=5.040. Elsevier	2	20 (4)	395-401	2004
2	Finite element analysis of ceramic coatings under spherical indentation with metallic interlayer- Part I. Uncracked coatings. http://www.jmst.org/EN/Y2006/V22/I04/500 . Tác giả đầu, liên lạc	02	<i>Journal of Materials Science and Technology</i> ; Năm 2006: SCIE, IF=0.384 2018: SCI, Q1, IF=5.040. Elsevier	0	22 (4)	500-510	2006
3	Finite element analysis of ceramic coatings under spherical indentation with metallic interlayer- Part II. Ring crack analysis. http://www.jmst.org/EN/volumn/volumn_889.shtml . Tác giả đầu và liên lạc.	02	<i>Journal of Materials Science and Technology</i> ; Năm 2006: SCIE, IF=0.384 2018: SCI, Q1, IF=5.040. Elsevier	1	22 (5)	594-598	2006
4	Finite element analysis of instrumented sharp indentations into pressure-sensitive materials. http://www.jmst.org/CN/Y2007/V23/I02/277 Tác giả đầu, liên lạc	02	<i>Journal of Materials Science and Technology</i> ; Năm 2007: SCIE, IF=0.468 2018: SCI, Q1, IF=5.040. Elsevier	2	23 (2)	277-282	2007
5	A computational study on the instrumented sharp indentations with dual indenters. https://doi.org/10.1016/j.ijsolstr.2007.12.022 .	01	<i>International Journal of Solids and Structures</i> ; SCI, Q1 Năm 2008: IF=1.809; 2018: IF=2.787, Elsevier	36	45	2818–2835	2008
6	Material characterization by dual sharp indenters. https://doi.org/10.1016/j.ijsolstr.2009.03.027 .	01	<i>International Journal of Solids and Structures</i> ; SCI, Q1. Năm 2009: IF=1.809 2018: IF=2.787. Elsevier	41	46	2988–2998	2009
7	Improved reverse analysis for material characterization with dual sharp indenters. https://doi.org/10.1016/j.ijsolstr.2011.02.008	01	<i>International Journal of Solids and Structures</i> ; SCI, Q1. Năm 2011: IF=1.857; 2018: IF=2.787. Elsevier	9	48	1600-1609	2011
8	A Numerical Study on Parameter Control for Remelted Coating Processes.	02	<i>Journal of Mechanical Science and Technology</i> ; SCIE, Q2.	2	25 (6)	1423-1428	2011

	https://doi.org/10.1007/s12206-011-0325-z . Tác giả liên lạc.		Năm 2011: IF=0.448; 2018: IF=1.221. Springer				
9	Material characterization by instrumented spherical indentation. https://doi.org/10.1016/j.mechmat.2011.10.008 .	01	<i>Mechanics of Materials</i> ; SCI; Q1. Năm 2012: IF=1.936; 2018: IF=2.958. Elsevier	22	46	42-56	2012
10	Optimal Design of a Torsional Shaft System Using Pontryagin's Maximum Principle. https://doi.org/10.1007/s11012-011-9504-3 .	03	<i>Meccanica</i> ; SCI, Q1. Năm 2012: IF=1.747; 2018: IF=2.316. Springer	5	47 (5)	1197-1207	2012

b) 25 bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCI, SCIE và SCOPUS sau khi được công nhận chức danh PGS.

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
11	Single-edge crack growth in graphene sheets under tension. https://doi.org/10.1016/j.commat.2012.11.057 . Tác giả đầu.	02	<i>Computational Materials Science</i> ; SCI, Q1. Năm 2013: IF=1.878; 2018: IF=2.644. Elsevier	46	69	381–388	2013
12	Crack propagation in pre-strained single layer graphene sheets. https://doi.org/10.1016/j.commat.2013.12.007 . Tác giả đầu.	02	<i>Computational Materials Science</i> ; SCI, Q1. Năm 2014: IF=1.879; 2018: IF=2.644. Elsevier	21	84	238–243	2014
13	Atomistic study on the tensile properties of hexagonal AlN, BN, GaN, InN and SiC sheets. https://doi.org/10.1166/jctn.2014.3518	01	<i>Journal of Computational and Theoretical Nanoscience</i> ; Năm 2014: SCIE, IF=1.032; Hiện tại: SCOPUS. American Scientific Publishers	28	11 (6)	1458-1464	2014
14	Young's modulus prediction of hexagonal nanosheets and nanotubes based on dimensional analysis and atomistic simulations. https://doi.org/10.1007/s11012-014-9976-z .	01	<i>Meccanica</i> ; SCI, Q1. Năm 2014: IF=1.814; 2018: IF=2.316. Springer	10	49 (7)	1709–1719	2014
15	Atomistic simulations of pristine and defective hexagonal BN and SiC sheets under uniaxial tension. https://doi.org/10.1016/j.msea.2014.07.109 . Tác giả đầu, liên lạc.	02	<i>Materials Science & Engineering A</i> ; SCI, Q1. Năm 2014: IF=2.409; 2018: IF=4.081. Elsevier	28	615	481–488.	2014
16	Size effects in mechanical properties of boron nitride nanoribbons. https://doi.org/10.1007/s12206-014-0930-8 .	01	<i>Journal of Mechanical Science and Technology</i> ; SCIE, Q2. Năm 2014: IF=0.703; 2018: IF=1.221. Springer	14	28 (10)	4173-4178.	2014
17	Prediction of Young's modulus	01	<i>International Journal of</i>	21	11	15-24	2015

	of hexagonal monolayer sheets based on molecular mechanics. https://doi.org/10.1007/s10999-014-9271-0 .		<i>Mechanics and Materials in Design</i> ; SCIE ; Q1 . Năm 2014: IF=0.732; 2018: IF=3.143. Springer		(1)		
18	Determination of elastic properties of hexagonal sheets by atomistic finite element method. https://doi.org/10.1166/jctn.2015.3767 <i>Tác giả đầu, liên lạc</i>	02	<i>Journal of Computational and Theoretical Nanoscience</i> ; Năm 2015: SCIE, IF=1.666; hiện tại: SCOPUS. American Scientific Publishers	7	12	566-574	2015
19	The role of defects in the tensile properties of silicene. https://doi.org/10.1007/s00339-014-8904-3 <i>Tác giả đầu, liên lạc.</i>	02	<i>Applied Physics A: Materials Science & Processing</i> ; SCI, Q2 . Năm 2015: IF=1.444; 2018: IF=1.784. Springer	27	118	1437–1445	2015
20	Multi-objective optimal control for eigen-frequencies of a torsional shaft using Pontryagin's maximum principle. https://doi.org/10.1007/s11012-015-0162-8 . <i>Tác giả liên lạc.</i>	04	<i>Meccanica</i> ; SCI; Q1 . Năm 2015: IF=1.828; 2018: IF=2.316. Springer	2	50 (9)	2409-2419	2015
21	Optimal configurations of circular bars under free torsional and longitudinal vibration based on Pontryagin's maximum principle. https://doi.org/10.1007/s11012-015-0324-8	04	<i>Meccanica</i> ; SCI; Q1 . Năm 2016: IF=1.828 2018: IF=2.316. Springer	2	51 (6)	1491-1502	2016
22	Mode-I stress intensity factor in single layer graphene sheets. https://doi.org/10.1016/j.commat.2016.03.027 . <i>Tác giả đầu.</i>	02	<i>Computational Materials Science</i> ; SCI; Q1 . Năm 2016: IF=2.086 2018: IF=2.644. Elsevier	16	118	251-258	2016
23	Mechanical properties of various two-dimensional silicon carbide sheets: An atomistic study. https://doi.org/10.1016/j.spmi.2016.08.003 . <i>Tác giả liên lạc.</i>	02	<i>Superlattices and Microstructures</i> ; SCI, Q2 . Năm 2016: IF= 2.117; 2018: IF=2.385. Elsevier	8	98	102-115	2016
24	Mechanical properties of borophene films: A reactive molecular dynamics investigation. https://doi.org/10.1088/0957-4484/27/44/445709 <i>Tác giả đầu.</i>	03	<i>Nanotechnology</i> ; SCI, Q1 . Năm 2016: IF=3.573; 2018: IF=3.399. IOP Publishing	26	27	445709	2016
25	Atomistic simulation of free transverse vibration of graphene, hexagonal SiC and BN nanosheets. https://doi.org/10.1007/s10409-016-0613-z	04	<i>Acta Mechanica Sinica</i> ; SCI, Q2 . Năm 2017: IF=1.545 2018: IF=1.598. Springer	1	33 (1)	132–147	2017
26	Cohesive energy in graphene/MoS2 heterostructures. https://doi.org/10.1007/s11012-017-0000-0	01	<i>Meccanica</i> ; SCI, Q1 . Năm 2017: IF=2.211; 2018: IF=2.316. Springer.	2	52 (1-2)	307-315	2017

	016-0402-6						
27	Fracture of monolayer boronitrene and its interface with graphene. https://doi.org/10.1007/s10704-017-0188-0 . Tác giả đầu, liên lạc	02	<i>International Journal of Fracture</i> ; SCI, Q1 . Năm 2017: IF=2.175; 2018: IF=2.884 . Springer	13	205 (2)	151– 168	2017
28	Mechanical properties of penta-graphene, hydrogenated penta-graphene, and penta-CN ₂ sheets. https://doi.org/10.1016/j.commatci.2017.05.004 .	01	<i>Computational Materials Science</i> ; SCI, Q1 . Năm 2017: IF=2.530; 2018: IF=2.644. Elsevier	10	136	181– 190	2017
29	Anomalous strain effect on the thermal conductivity of borophene: a reactive molecular dynamics study. https://doi.org/10.1016/j.physe.2017.06.012 .	04	<i>Physica E: Low-dimensional Systems and Nanostructures</i> ; SCI, Q2 . Năm 2017: IF=2.399; 2018: IF=3.176 . Elsevier	18	93	202– 207	2017
30	Effects of various defects on the mechanical properties of black phosphorene. https://doi.org/10.1016/j.spmi.2017.09.021 . Tác giả liên lạc.	04	<i>Superlattices and Microstructures</i> ; SCI, Q2 . Năm 2017: IF=2.099; 2018: IF=2.385 . Elsevier	8	112	186– 199	2017
31	Compressive buckling of black phosphorene nanotubes: An atomistic study. https://doi.org/10.1088/2053-1591/aaba53 . Tác giả liên lạc.	02	<i>Materials Research Express</i> ; SCIE, Q2 . Năm 2018: IF=1.449 . IOP Publishing	0	5 (4)	04502 4	2018
32	Reactive molecular dynamics simulations of the mechanical properties of various phosphorene allotropes. https://doi.org/10.1088/1361-6528/aaacf	01	<i>Nanotechnology</i> ; SCI, Q1 . Năm 2018: IF=3.399 IOP Publishing	6	29 (19)	19570 1	2018
33	Mode-I stress intensity factors of silicene, AlN, and SiC hexagonal sheets. https://doi.org/10.1088/2053-1591/aac807 . Tác giả liên lạc.	03	<i>Materials Research Express</i> ; SCIE, Q2 . Năm 2018: IF=1.449 . IOP Publishing	2	5 (6)	06502 5	2018
34	Fracture of monolayer germanene: A molecular dynamics study. https://doi.org/10.1142/S0217979218502417 .	01	<i>International Journal of Modern Physics B</i> ; SCI, Q4 . Năm 2018: IF=0.769 . World Scientific	2	32 (22)	18502 41	2018
35	Bending of boron nitride nanotubes: An atomistic study. https://doi.org/10.1080/15376494.2018.1432801 . Tác giả liên lạc.	03	<i>Mechanics of Advanced Materials & Structures</i> ; SCIE, Q1 . Năm 2018: IF=2.645 . Taylor & Francis	0	Xin xem link	Đã online	Đang in

c) 04 bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí và hội thảo trong nước trước khi được công nhận chức danh PGS.

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
36	Plastic damage evolution in multilayer coatings/ductile substrate system under spherical indentation: influence of a metallic interlayer; https://doi.org/10.15625/0866-7136/27/2/5718 .	02	Vietnam Journal of Mechanics		27 (2)	86-95	2005
37	Stress analysis of ceramic coatings under spherical indentation: influence of a metallic interlayer; https://doi.org/10.15625/0866-7136/28/1/5475 .	02	Vietnam Journal of Mechanics		28 (1)	21-27	2006
38	On the dimensionless relationships in instrumented sharp indentations	01	Tuyển tập công trình Hội nghị Khoa học toàn quốc, Cơ học Vật rắn biến dạng lần thứ 10, Thái Nguyên, 12-13/11/2010. ISBN: 978-604-915-000-5			602-608	2010
39	Mô phỏng đặc trưng cơ học của vật liệu Nanocomposite nền polymer cốt carbon nanotubes	02	Tuyển tập công trình khoa học, Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ 9. Hà Nội, 8-9/12/2012. ISBN: 978-604-911-431-1		Tập 2, Cơ học Vật rắn biến dạng	1156-1171	2012

d) 02 bài báo khoa học đã công bố trên tuyển tập hội thảo quốc tế thuộc danh mục SCOPUS sau khi được công nhận chức danh PGS.

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên kỷ yếu khoa học	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
40	Stress Analysis of Silicon-Based Anode in Li-Ion Battery. https://doi.org/10.1007/978-981-10-7149-2_7 . Tác giả liên lạc.	02	<i>Proceedings of the International Conference on Advances in Computational Mechanics 2017, Lecture Notes in Mechanical Engineering</i> , ISBN 978-981-10-7148-5.			95-104	2018
41	Atomistic Simulation of Boron Nitride Nanotubes Under Bending. https://doi.org/10.1007/978-981-10-7149-2_12 . Tác giả liên lạc.	03	https://doi.org/10.1007/978-981-10-7149-2 Springer. SCOPUS			171-179	2018

e) 14 bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí và hội thảo trong nước sau khi được công nhận chức danh PGS.

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
42	A Comparative Study of Different Finite Element Methods in Determining of Elastic Properties of Single Layer Graphene Sheet	02	Tuyển tập công trình Hội nghị Cơ học kỹ thuật toàn quốc, Kỷ niệm 35 năm thành lập Viện Cơ học. ISBN 978-604-913-235-3		Tập 2, Cơ học Vật rắn biến dạng	361-366	2014
43	Xác định đặc trưng đàn hồi của tấm và ống vật liệu cấu trúc na nô bằng phương pháp phân tử hữu hạn nguyên tử https://doi.org/10.15625/0866-708X/53/2/4106 .	02	Tạp chí Khoa học và Công nghệ		53 (2)	254-264	2015
44	Dao động ngang tự do của tấm BN, SiC có xét tới ảnh hưởng của khuyết tật mất nguyên tử	04	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ toàn quốc về Cơ			368-373	2016
45	Sử dụng phương pháp phân tử hữu hạn nguyên tử tính toán dao động ngang tự do của tấm graphene	04	khí – Động lực, 13/10/2016. ISBN: 978-604-95-0041-1			374-378	2016
46	Dao động tự do ngang của tấm graphene có xét tới ảnh hưởng của khuyết tật mất nguyên tử. https://www.hauai.edu.vn/media/28/ufpdf28151.pdf .	04	Tạp chí khoa học và công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội		38 (2)	175-179	2017
47	Ảnh hưởng của điều kiện biên và kích thước ống tới dao động tự do của ống nano các bon	04	Tuyển tập công trình khoa học, Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ X, Hà Nội, 8-9/12/2017 ISBN: 978-604-913-721-1		Tập 3 Quyển 1	654-661	2018
48	Nghiên cứu ứng xử cơ học của ống nano phốt pho alpha	03	Tuyển tập công trình khoa học, Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ X, Hà Nội, 8-9/12/2017 ISBN: 978-604-913-722-8		Tập 3 Quyển 2	1305-1310	2018
49	Nghiên cứu sự tách lớp trong kết cấu silic bọc trụ đồng dùng làm cực âm ắc quy ion lithium	02			Tập 3 Quyển 2	1358-1364	2018
50	Finite element analysis of a Si film anode in trench – structured Cu current collector for lithium – ion batteries	03	Tuyển tập công trình khoa học, Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ X, Hà Nội, 8-		Tập 2	671-676	2018

			9/12/2017 ISBN: 978-604-913-752-5				
51	Atomistic simulation of the uniaxial tension of black phosphorene nanotubes http://dx.doi.org/10.15625/0866-7136/10751 . <i>Tác giả liên lạc.</i>	03	Vietnam Journal of Mechanics		40 (2)	163-169	2018
52	Atomistic simulation of the uniaxial compression of black phosphorene nanotubes https://doi.org/10.15625/0866-7136/10982 . <i>Tác giả liên lạc.</i>	02	Vietnam Journal of Mechanics		40 (3)	243-250	2018
53	Khảo sát ảnh hưởng của chiều dài tới tần số dao động tự do dọc trục của ống nano các bon ngàm một đầu.	04	Tuyển tập công trình khoa học Hội nghị Khoa học toàn quốc Cơ học Vật rắn lần thứ XIV, TP Hồ Chí Minh, 19-20/7/2018			359-366	2019
54	Ứng xử cơ học của ống nano photpho đen chịu nén dọc trục	03				744-749	2019
55	Nghiên cứu ảnh hưởng của tốc độ sục trong kết cấu silic bọc trụ đồng kích cỡ nano mét dùng làm cực âm ắc quy ion lithium	03				758-764	2019
TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố

- Trong đó, số bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận chức danh PGS là: 25, bao gồm:

STT	Số bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận chức danh PGS	Số bài báo mà ứng viên là tác giả duy nhất	Loại tạp chí
1	18	5	SCI
2	05	2	SCIE
3	02	1	SCOPUS
Tổng số	25	8	

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

-Năm 2009 ứng viên tham gia Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Cơ học kỹ thuật theo Quyết định số 758/QĐ-ĐH BK-SĐH ngày 13/3/2009 của trường ĐH Bách Khoa Hà Nội (có đính kèm trong hồ sơ).

-Ứng viên đã tham gia xây dựng chương trình đào tạo thông qua việc soạn đề cương các môn học sau (xác nhận ở mẫu số 2: “*Bản nhận xét kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên*”):

+ “*Tính toán trong cơ học và vật liệu na nô*” (mã học phần: ME4497) cho chuyên ngành “*Khoa học và công nghệ chất dẻo, composite*”. Môn học đã được giảng dạy trong các năm qua.

+ “*Cơ học chất lỏng ứng dụng cho polymer*” (mã học phần: ME4039) cho chương trình đào tạo tích hợp cử nhân - kỹ sư - thạc sỹ chuyên ngành “*Khoa học và công nghệ chất dẻo, composite*”. Chương trình được thực hiện từ khóa 62.

+ “*Cơ học vật liệu và kết cấu nano*” (mã học phần: ME6128) cho chương trình thạc sỹ ngành Cơ học kỹ thuật theo học chế tín chỉ (đã được giảng dạy ở năm học 2013-2014).

+ Học phần tiến sỹ “*Cơ học tính toán vật liệu na nô*” (mã học phần: ME7091) cho nghiên cứu sinh ngành Cơ học vật rắn (đã được giảng dạy ở năm học 2013-2014, 2015-2016, 2017-2018).

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ ☐
- Hướng dẫn NCS,ThS: ☐

Ứng viên đã xuất bản 2 cuốn sách. Trong đó 1 sách tham khảo phục vụ đào tạo đại học và sau đại học, và 1 sách chuyên khảo. Ứng viên là tác giả duy nhất của 2 cuốn sách nêu trên. Nếu điểm sách của ứng viên còn thiếu, kính đề nghị hội đồng cho ứng viên bù điểm từ 1 hoặc 1 vài bài báo trong số 25 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục SCI, SCIE và SCOPUS của ứng viên sau khi được công nhận chức danh PGS.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2019

Người đăng ký



Lê Minh Quý

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội xác nhận PGS.TS. Lê Minh Quý đã tham gia công tác từ tháng 10/1995 đến tháng 6/2019. Trong đó, thời gian công tác là 23 năm 9 tháng, thời gian làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên là 16 năm 6 tháng. Trong thời gian công tác tại trường, PGS.TS. Lê Minh Quý luôn hoàn thành tốt công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN *th*



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Khang